TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L1.

2. Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Th1 – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 37/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Võ Nhựt T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh LA.

Bà N *có mặt;*

Ông T *vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Bùi Thị N *trình bày:*

Ngày 29/9/2016, bà Bùi Thị N và ông Võ Nhựt T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K nhưng đã chung sống với nhau từ năm 1987. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu

thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Bà N xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau nên bà N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, có hai con chung là Võ Nhựt Minh T1, sinh ngày 25/12/1988 và Võ Nhựt Minh T2, sinh ngày 03/02/1993, hai người con chung đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà Bùi Thị N không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị N xác định không có.

Bà N trình bày việc ông T không đồng ý tham gia tố tụng. Bà N có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà N đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"*ly hôn*"*. Ông Võ Nhựt T cư trú tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh LA. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Võ Nhựt T: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông T vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông T.

[3]. Về hôn nhân: Ngày 29/9/2016, bà Bùi Thị N và ông Võ Nhựt T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh LA nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Võ Nhựt T không đến Tòa án mà không có lý do, thể hiện ý chí ông T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà Bùi Thị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hay bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn không giải quyết được. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà N và ông T là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T.

[4.2]. Về con chung: Hai con chung là Võ Nhựt Minh T1, sinh ngày 25/12/1988 và Võ Nhựt Minh T2, sinh ngày 03/02/1993, hai người con chung đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Võ Nhựt T không có ý kiến. Do đó, Tòa án không xem xét.

[4.3]. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị N trình bày không có yêu cầu giải quyết, ông T không có ý kiến nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà N về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[4.4]. Về nợ chung: Bà Bùi Thị N trình bày không có, ông T không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà N về việc không có nợ chung.

[5]. Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị N đối với ông Võ Nhựt T.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Võ Nhựt T.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Bùi Thị N về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

4. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Bùi Thị N về việc không có nợ chung.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0002842 ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K sang thi hành án phí, bà N đã nộp đủ án phí.

6. Bà Bùi Thị N có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Nhựt T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CC.THADS thị xã K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

Nguyễn Thanh L